

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2021/DS- ST

Ngày 28/ 10/2021

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tài và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/ 10/2021, tại Phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 29/6/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-DS ngày 20/7/2021, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 04/2021/TB-TA ngày 10/8/2021, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 05/2021/TB-TA ngày 27/8/2021, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 07/2021/TB-TA ngày 20/9/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 07/2021/TB-TA ngày 11/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần B.

Địa chỉ: Số 566 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Cảnh H – Chức vụ: Tổng giám đốc –

Địa chỉ: Khu công nghiệp T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, (có đơn xin xét xử vắng mặt); Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Viên Đình T; Địa chỉ: Số 08 Hồ Xuân H, tổ dân phố 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Bùi Cảnh H trình bày: Ngày 10 tháng 07 năm 2017, ông Viên Đình T có mua phân bón của Công ty Cổ phần B bằng 02 Hợp đồng mua bán phân bón. Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng mua bán số 27/2017/HĐMB-HUCO với mặt hàng, số lượng đơn giá, giá trị như sau:

Phân HCVS loại 50 kg/bao (xanh): Số lượng 5.000 kg x 3.000đ/kg = 15.000.000 đồng.

Phân HCVS loại 25 kg/bao: Số lượng 3.000 kg x 3.600 đ/kg = 10.800.000 đồng

Theo hợp đồng này, ông Viên Đình T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần B số tiền 25.800.000 đồng thành 02 đợt:

+ Đợt 1: Thanh toán số tiền 12.900.000 đồng chậm nhất là vào ngày 20 tháng 07 năm 2017.

+ Đợt 2: Thanh toán số tiền 12.900.000 đồng chậm nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2018.

Trường hợp bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu mức phạt chậm trả là 2%/tháng.

2. Hợp đồng mua bán số 35/2017/HĐMB-HUCO với mặt hàng, số lượng đơn giá, giá trị như sau:

Phân HCVS loại 25 kg/bao: Số lượng 5.000 kg x 4000 đ/kg = 20.000.000 đồng

Theo hợp đồng này, ông Viên Đình T phải thanh toán số tiền 20.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần B thành 02 đợt:

+ Đợt 1: Thanh toán số tiền 10.000.000 đồng chậm nhất là vào ngày 20 tháng 07 năm 2017.

+ Đợt 2: Thanh toán số tiền 10.000.000 đồng còn lại chậm nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2018.

Trường hợp bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu mức phạt chậm trả là 2%/tháng.

Tổng giá trị hai hợp đồng nêu trên là 45.800.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng).

Công ty Công ty Cổ phần B đã giao hàng đầy đủ và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho ông Viên Đình T.

Tính đến nay, mặc dù đã nhiều lần Công ty Cổ phần B yêu cầu ông Viên Đình T thanh toán số tiền nợ nhưng ông T chỉ mới trả cho Công ty chúng tôi số tiền là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Số tiền còn lại là 43.550.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền mua phân bón, ông Viên Đình T không chịu trả.

Nay Công ty Cổ phần B đề nghị Tòa án quyền giải quyết:

1. Buộc ông Viên Đình T thanh toán số tiền nợ mua phân bón chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần B là 43.550.000 đồng. (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Tại đơn khởi kiện yêu cầu ông Viên Đình T phải trả số tiền phạt trên số tiền chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần B tính từ thời điểm ngày 20/03/2018 tạm tính đến thời điểm khởi kiện ngày 20 tháng 03 năm 2021 là: $43.550.000 \text{ đồng} \times (2\% \times 36 \text{ tháng}) = 31.356.000 \text{ đồng}$.

Nay tôi thay đổi nội dung yêu cầu mức lãi suất như sau: $43.550.000 \text{ đồng} \times (1,66\% \times 36 \text{ tháng}) = 26.025.480 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần B yêu cầu ông Viên Đình T thanh toán là: **69.575.480 đồng** (Sáu mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi đồng).

Trong hợp đồng mua bán có chữ ký của bà L vợ ông T, nhưng trong quá trình giao dịch Công ty chỉ giao dịch với ông T nên Công ty chỉ yêu cầu một mình ông T trả nợ, không yêu cầu bà L vợ ông T phải có trách nhiệm trả nợ cùng với ông T.

Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án ông Viên Đình T trình bày: Vào năm 2017 tôi có ký hợp đồng mua bán số 27/2017 Hợp đồng bán phân Hu Cô với số lượng 8 tấn thành tiền 25.800.000 đồng và hợp đồng số 35/2017 với số lượng là 5 tấn thành tiền là 20.000.000 đồng. Tổng cộng hai đợt là 45.800.000 đồng, đã trả 2.250.000 đồng, còn lại 43.550.000 đồng tôi đồng ý trả số tiền gốc. Riêng đối với tiền lãi, tôi không chấp nhận trả vì phân tôi lấy về cho dân ứng lại, hiện nay tôi chưa thu hồi được nên nay tôi chấp nhận trả mỗi năm một ít. Việc giao dịch với công ty chỉ có cá nhân tôi thực hiện. Vợ tôi là Hoàng Thị L chỉ có ký tên vào hợp đồng theo yêu cầu của công ty chứ không có liên quan gì.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông Viên Đình T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự tại phiên tòa.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Vào ngày 10 tháng 07 năm 2017, ông Viên Đình T có mua phân bón của Công ty Cổ phần B bằng 02 Hợp đồng; Hợp đồng mua bán số 27/2017/HĐMB-HUCO với mặt hàng Phân HCVS loại 50 kg/bao (xanh): Số lượng 5.000 kg x 3.000đ/kg thành tiền 15.000.000 đồng và loại

25 kg/bao: Số lượng 3.000 kg x 3.600 đ/kg thành tiền 10.800.000 đồng, thời hạn thanh toán làm 02 đợt: Đợt 1: Thanh toán số tiền 12.900.000 đồng chậm nhất là vào ngày 20 tháng 07 năm 2017. Đợt 2: Thanh toán số tiền 12.900.000 đồng chậm nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2018. Hợp đồng mua bán số 35/2017/HĐMB-HUCO với mặt hàng Phân HCVS loại 25 kg/bao: Số lượng 5.000 kg x 4000 đ/kg thành tiền 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán làm 02 đợt: Đợt 1: Thanh toán số tiền 10.000.000 đồng chậm nhất là vào ngày 20 tháng 07 năm 2017. Đợt 2: Thanh toán số tiền 10.000.000 đồng còn lại chậm nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2018.

Tổng giá trị hai hợp đồng là 45.800.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng*). Đến hạn ông T chỉ mới trả được 2.250.000 đồng, còn lại 43.550.000 đồng tiền gốc là có căn cứ phù hợp với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn nên buộc bị đơn phải trả số tiền này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất và khai nại của bị đơn xin trả dần và không chấp nhận trả tiền lãi thì thấy rằng trong các hợp đồng mua bán hai bên đều có thoả thuận “Trường hợp bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu mức phạt chậm trả là 2%/tháng”; Trong giấy xác nhận nợ và hẹn thời gian trả nợ các bên đều thoả thuận “Tiền lãi suất theo quy định của công ty”. Như vậy tiền lãi và phạt trả chậm là do các bên đã có thoả thuận, đã được lập thành văn bản, các bên có ký kết, do đó yêu cầu lãi suất tính từ ngày 20/03/2018 đến ngày 20 tháng 03 năm 2021 [43.550.000 đồng x (1,66% x 36 tháng) = 26.025.480 đồng] của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên cần chấp nhận.

Do đó để làm lành mạnh hoá các quan hệ trong giao dịch dân sự, cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B, Buộc ông Viên Đình T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần B số tiền **69.575.480 đồng** (Sáu mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi đồng); Trong đó tiền gốc: 43.550.000 đồng. (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), tiền lãi 26.025.480 đồng [(43.550.000 đồng x 1,66%/tháng x 36 tháng)] là phù hợp với quy định tại các Điều 430; 431; 433; 434; 440; 357; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Viên Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 273 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430; 431; 433; 434; 440; 357; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần B; Buộc ông Viên Đình T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần B số tiền 69.575.480 đồng (Sáu mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi đồng); Trong đó tiền gốc: 43.550.000 đồng. (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), tiền lãi 26.025.480 đồng $[(43.550.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 36 \text{ tháng})]$.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Về án phí: Ông Viên Đình T phải chịu 3.478.774 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.873.000 đồng theo biên lai thu số 60AA/2021/0007068 ngày 14/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

HOÀNG MINH CHÚC

